



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU SÁNG KIẾN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
The center for Research on Initiatives of Communities development (RIC)

Tel./Fax: 024 3212 1882 Email: ricvietnam2009@gmail.com Website: ric.org.vn

Địa chỉ: P. 407, Chung cư Packexim Address: Room 407, Packexim building
Số 49, ngõ 15 Đường An Dương Vương, No 49, alley 15 An Duong Vương street,
Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Hà Nội Phu Thuong ward, Tay Ho district, Hanoi

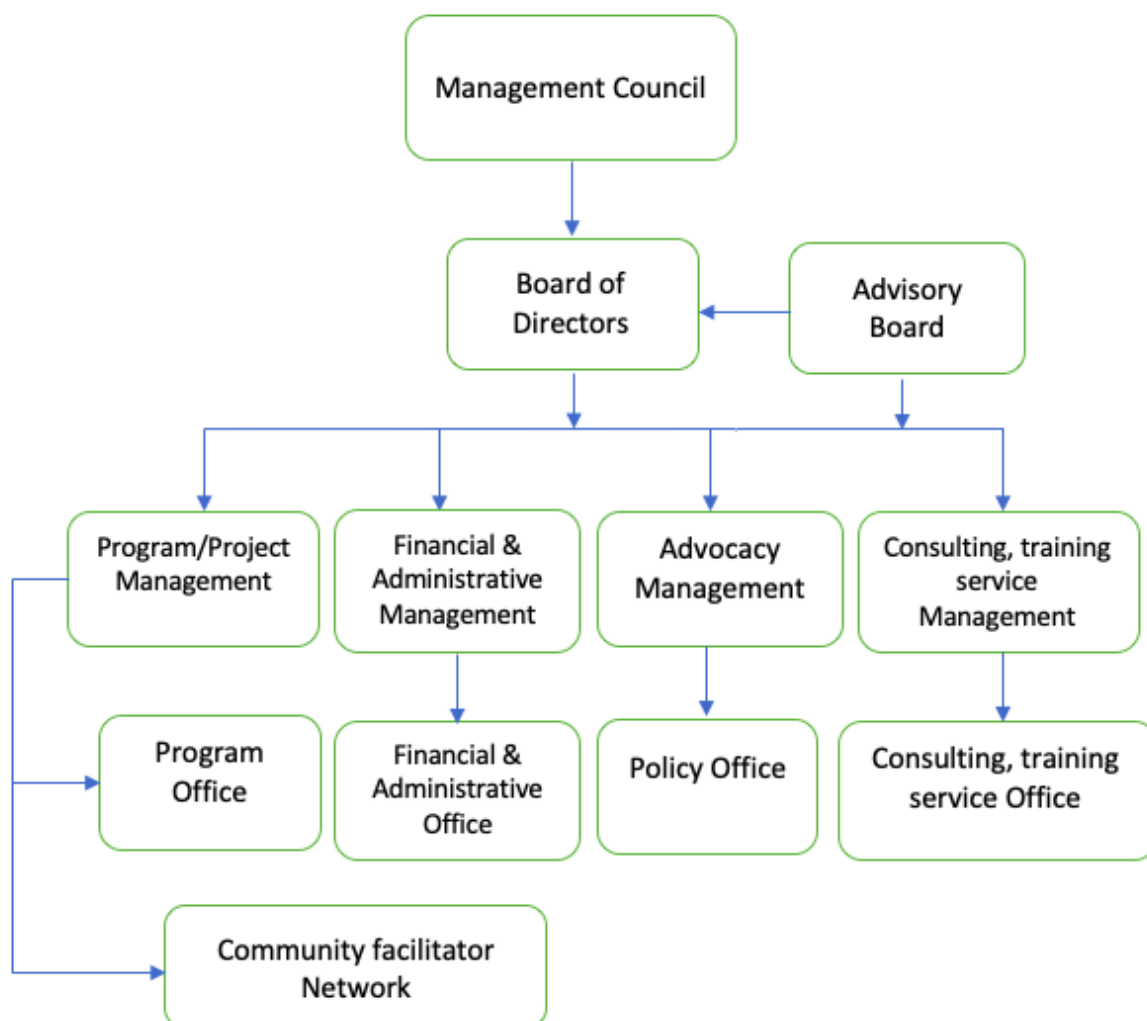
CHIẾN LƯỢC RIC GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu chung

- Trung tâm Nghiên cứu Sáng kiến Phát triển Cộng đồng (RIC) là tổ chức phi lợi nhuận trực thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) được thành lập theo quyết định số 1160/QĐ-LHH ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Liên hiệp Hội và hoạt động theo giấy đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 865 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 11 tháng 9 năm 2009 và cấp lại ngày 03/03/2019.
- RIC được thành lập với sứ mệnh kết nối và thúc đẩy các sáng kiến trong việc nâng cao năng lực tự quản của cộng đồng dân tộc thiểu số hướng tới phát triển bền vững tại Việt Nam.
- RIC là tập hợp của một đội ngũ cán bộ trẻ có tâm huyết, cùng chung đam mê và hoài bão đóng góp vào phát triển cộng đồng bền vững, đặc biệt là các cộng đồng DTTS.
- Là tổ chức đầu tiên tại Việt Nam có thể thúc đẩy cộng đồng trực tiếp tiếp cận và sử dụng ngân sách nhà nước từ chương trình 135.
- Chiến lược này trình bày định hướng chiến lược cho RIC giai đoạn 2021-2025. Nó đề cập đến những điều chỉnh và can thiệp mang tính chiến lược mà RIC sẽ thực hiện trong 5 năm tới để giải quyết các thách thức phát triển theo cả xu hướng hiện tại và tương lai nhằm đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững cho các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam cũng như đóng góp vào phát triển bền vững của tổ chức.

2. Sơ đồ tổ chức



B. CHIẾN LƯỢC RIC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Sự cần thiết của hệ sinh thái cộng đồng tự quản

Việt Nam có nhiều mô hình, cách làm hay trong phát triển cộng đồng. Tuy nhiên, các mô hình, cách làm này chủ yếu tập trung vào giải quyết một vấn đề cụ thể hơn là các vấn đề tổng thể của một cộng đồng. Do đó, tác động của chúng là không toàn diện và bền vững. Nói cách khác, Việt Nam đang thiếu một cách tiếp cận tổng thể trong phát triển cộng đồng bền vững, đặc biệt là với các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Từ kinh nghiệm của RIC trong suốt hơn 12 năm hoạt động với 400 cộng đồng tự quản, RIC thừa nhận rằng các giải pháp bền vững và hiệu quả cho những thách thức hiện nay của cộng đồng DTTS chỉ có thể được thực hiện thành công khi cộng đồng địa phương có đủ năng lực để trở thành chủ thể/người chèo lái trong toàn bộ quá trình phát triển của chính họ từ đánh giá nhu cầu, xác định ưu tiên, lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá. Tuy nhiên, để đóng góp vào sự phát triển toàn diện, tổng thể và bền vững

của các cộng đồng dân tộc thiểu số, cần phải phát triển một hệ sinh thái tự quản của cộng đồng.

Trong hệ sinh thái này, các can thiệp được thực hiện trên cả ba khía cạnh của phát triển bền vững bao gồm môi trường, xã hội và kinh tế, trong khuyến khích nhiều Bên liên quan hợp tác cùng nhau để tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy cộng đồng địa phương với vai trò là chủ thể/người chèo lái chính trong toàn bộ quá trình phát triển của họ để giải quyết tất cả các thách thức phát triển, bao gồm nhưng không giới hạn về sinh kế, cơ sở hạ tầng, văn hóa xã hội, giáo dục - y tế, vệ sinh môi trường hiệu quả, hiệu suất và bền vững

2. Sứ mệnh: RIC thúc đẩy và phát triển các hệ sinh thái cộng đồng tự quản nhằm hướng tới sự phát triển hoà nhập và bền vững của các cộng đồng nông thôn và miền núi, đặc biệt là các cộng đồng dân tộc thiểu số

3. Tầm nhìn tới năm 2025: RIC tin tưởng vào một xã hội công bằng và bình đẳng, nơi các cộng đồng nông thôn và miền núi, đặc biệt là các cộng đồng dân tộc thiểu số được trở thành chủ thể của tiến trình phát triển của họ.

4. Giá trị cốt lõi (V-PLUS)

- **V: (Giá trị gia tăng)** cho đối tác: Chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự, tổ chức phi chính phủ, phi chính phủ, đặc biệt là các cộng đồng địa phương. Các dự án của RIC gắn với các chương trình của chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân địa phương tiếp cận và sử dụng ngân sách nhà nước một cách hiệu quả, hiệu suất và minh bạch, tạo ra các mô hình bền vững bằng ngân sách nhà nước, giá trị gia tăng cho các sản phẩm cộng đồng, cải thiện kiến thức, kỹ năng và năng lực của cộng đồng...
- **P: (Tiên phong):** RIC là tổ chức tiên phong trong thúc đẩy các cộng đồng tự quản địa phương để tiếp cận và sử dụng ngân sách nhà nước, trong khi người dân địa phương là tiên phong trong thực hiện các giải pháp, sáng kiến để giải quyết các thách thức phát triển. Đặc biệt, họ trực tiếp tham gia vào quá trình đánh giá nhu cầu, xếp hạng ưu tiên, thực hiện, giám sát và đánh giá các giải pháp, sáng kiến phát triển.
- **L: (Liên kết):** Sự hợp lực và hợp tác giữa các Bên liên quan để thúc đẩy mô hình quản lý cộng đồng, truyền thông và vận động chính sách để củng cố và nhân rộng mô hình ra các địa bàn khác.
- **U: (Độc đáo):** Mô hình can thiệp của RIC được dẫn dắt bởi cộng đồng địa phương là độc đáo, sáng tạo, đóng góp hiệu quả tới phát triển cộng đồng bền vững.
- **S: (Đơn giản hoá):** Mô hình can thiệp cùng với các sản phẩm truyền thông của RIC được đơn giản hoá và thiết kế dưới hình thức thân thiện, dễ sử dụng và có thể chuyển giao được, đặc biệt cộng đồng có thể áp dụng dễ dàng và hiệu quả.

5. Chiến lược giai đoạn 2021 -2025

5.1 Mục tiêu tổng thể

Thúc đẩy và phát triển hệ sinh thái cộng đồng tự quản, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Chiến lược hướng tới hỗ trợ cho **100** cộng đồng dân tộc thiểu số tự quản tại Việt Nam để ứng phó với toàn bộ các thách thức phát triển của họ một cách hiệu quả, hiệu suất và bền vững.

Trong giai đoạn này, RIC tập trung vào hệ sinh thái cộng đồng tự quản với cộng đồng là trung tâm. Các nhóm tác động mục tiêu bao gồm người DTTS, người nghèo, cận nghèo, phụ nữ và trẻ em, người khuyết tật. Đặc biệt, hợp phần nghiên cứu, truyền thông và vận động chính sách sẽ được đẩy mạnh để bền vững cách tiếp cận dự án và thúc đẩy việc lồng ghép mô hình dự án vào các chương trình nhà nước/mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021 -2025.

5.2 Mục tiêu cụ thể

- 1) Nâng cao năng lực phát triển hệ sinh thái cộng đồng tự quản cho cộng đồng, chính quyền địa phương và các Bên liên quan.
- 2) Phát triển quan hệ đối tác triển khai mô hình cộng đồng tự quản cho các cộng đồng dễ bị tổn thương tại Việt Nam, đặc biệt là cộng đồng DTTS theo chương trình mục tiêu quốc gia và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs).
- 3) Truyền thông và vận động chính sách tạo hệ sinh thái cho sự phát triển của cộng đồng tự quản tại Việt Nam

5.3 Người hưởng lợi

- Trực tiếp: 70,000 người;
- Gián tiếp: 100,000 người.

6. Chiến lược can thiệp

6.1 Lý thuyết về sự thay đổi

Các cộng đồng dễ bị tổn thương nhất, đặc biệt là cộng đồng DTTS, người nghèo và phụ nữ có khả năng tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát các chính sách liên quan, có thể tiếp cận và sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực phát triển khác để thực hiện hiệu quả và bền vững các giải pháp để ứng phó với những thách thức phát triển tổng thể của họ dựa trên kiến thức, kinh nghiệm và sáng kiến địa phương.

6.2 Cách tiếp cận dựa trên quyền

Theo cách tiếp cận này, người mang quyền (người dân địa phương, bao gồm cả người nghèo và người yếu thế, phụ nữ) trở nên tự tin hơn và có đủ năng lực để đòi các quyền của mình một cách hợp pháp, tổ chức các cuộc thảo luận nhóm hoặc họp thôn về các mối quan tâm và ưu tiên chung của họ, lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá. Bên đáp quyền (chính quyền địa phương) theo đó cần có trách nhiệm và minh bạch hơn trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình. Cách tiếp cận này cũng nhấn mạnh

rằng chính quyền địa phương cần lắng nghe tiếng nói của người dân địa phương và họ có quyền và có thể trực tiếp tham gia vào việc ra quyết định tại địa phương.

6.3 Phát triển hệ sinh thái cộng đồng tự quản tại các vùng dự án chiến lược

Ở mỗi thôn/xóm dự án chiến lược (có nhiều vấn đề khó khăn/thách thức cần giải quyết, có nhiều tiềm năng để phát triển...theo các lĩnh vực can thiệp của RIC), một hệ sinh thái cộng đồng tự quản sẽ được thiết lập, trong đó các cộng đồng địa phương trực tiếp tham gia phân tích hiện trạng, lựa chọn ưu tiên các nhu cầu, sau đó lập kế hoạch, thực hiện các giải pháp/sáng kiến phát triển dựa trên nhu cầu của họ để từng bước giải với các khó khăn/thách thức đang diễn ra tại cộng đồng..

6.4 Thiết lập và phát triển mạng lưới (partnership)

RIC thừa nhận rằng để đóng góp vào sự phát triển cộng đồng bền vững, RIC không thể là một tác nhân duy nhất. Vì vậy, đối với mỗi dự án, RIC luôn liên kết và hợp tác với nhiều Bên liên quan để huy động sự tham gia và đóng góp của họ về chuyên môn, nguồn lực và tạo ra tác động lớn hơn trong vận động chính sách. Họ bao gồm các cơ quan chức năng từ Trung ương đến địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ Quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong nước và cộng đồng địa phương. Điều này góp phần đáng kể vào việc triển khai các dự án một cách hiệu quả và hiệu suất.

6.5 Lồng ghép mô hình dự án vào chương trình nhà nước để đảm bảo tính bền vững

Sau khi thí điểm thành công các mô hình dự án, RIC sẽ tăng cường chia sẻ, củng cố và nhân rộng các mô hình ra các địa bàn khác, vận động chính quyền trung ương và địa phương lồng ghép các mô hình vào các chương trình của nhà nước, đặc biệt là các CTMTQG. Nói cách khác, các mô hình dự án sẽ được củng cố và nhân rộng bằng ngân sách nhà nước để đảm bảo tính bền vững.

7. Các lĩnh vực hoạt động

7.1 Lĩnh vực 1: Thúc đẩy trao quyền cho cộng đồng DTTS để trực tiếp tham gia quản lý và thực hiện xây dựng, vận hành và bảo trì của công trình cơ sở hạ tầng cấp xã trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia. Chiến lược sẽ tập trung vào:

- Hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số vận hành, bảo trì, xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sinh hoạt và sản xuất của cộng đồng địa phương (đường giao thông nội đồng, cầu cống, nước sạch, điện chiếu sáng...);
- Hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số vận hành, bảo trì và xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ các hoạt động văn hóa - xã hội (nhà văn hóa cộng đồng, sân chơi và các công trình phụ trợ...) của cộng đồng địa phương;
- Xây dựng sổ tay, hướng dẫn về xây dựng, vận hành và bảo trì dựa vào cộng đồng trong các CTMTQG.

– **Chiến lược can thiệp trên 4 phương diện:**

- **Xây dựng năng lực:** Cải thiện năng lực tự quản của cộng đồng trong vận hành, bảo trì và xây dựng của các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu.
- **Phát triển các mô hình thí điểm:**
 - Trao quyền cho cộng đồng để thực hiện mô hình xây dựng, vận hành và bảo trì của các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp bằng nguồn vốn thí điểm của dự án, sau đó lồng ghép bằng nguồn lực của nhà nước;
 - Thu thập, tổng hợp và tài liệu hoá các mô hình điển hình để củng cố và nhân rộng tới các địa bàn khác;
 - Truyền thông, chia sẻ kinh nghiệm tại cấp Quốc gia và địa phương.
- **Kết nối mạng lưới:** Phát triển một liên minh bao gồm cộng đồng, chính quyền, doanh nghiệp, chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ để rà soát, đánh giá mô hình và vận động chính sách tới cấp huyện, tỉnh và Quốc gia để lồng ghép mô hình vào các chương trình mục tiêu Quốc gia.
- **Tham vấn/Phát triển các chính sách liên quan:**
 - Nghiên cứu, đánh giá các chính sách hiện tại;
 - Tư vấn, phát triển các tài liệu, văn bản hướng dẫn về vận hành, bảo trì và xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước.

– **Nhóm tác động chính:** Cộng đồng DTTS, người nghèo, phụ nữ, người khuyết tật .

– **Người hưởng lợi chính:**

- Trực tiếp: 20,000 người
- Gián tiếp: 30,000 người.

7.2 Lĩnh vực 2: Tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy cộng đồng DTTS tham gia tiếp cận và quản trị tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên rừng bền vững, giảm thiểu và thích ứng với Biến đổi khí hậu. Cụ thể, chiến lược sẽ tập trung vào thúc đẩy cộng đồng DTTS để:

- Xây dựng, phát triển các kế hoạch phân bổ đất rừng và rừng có sự tham gia;
- Thúc đẩy sự hợp tác giữa các Bên liên quan, đặc biệt thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng DTTS trong đồng quản lý rừng và tài nguyên thiên nhiên;
- Thúc đẩy khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tài nguyên thiên nhiên bền vững;
- Phát triển các giải pháp, sáng kiến khả thi để quản lý, phát triển rừng bền vững; phủ xanh đất trống đồi trọc;
- Phát triển các mô hình sinh kế (Nông lâm kết hợp, nông nghiệp hữu cơ...) nhằm giảm thiểu và thích ứng với Biến đổi khí hậu;

- Phát triển các hướng dẫn về quản trị tài nguyên thiên nhiên và rừng, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng;
- **Chiến lược can thiệp trên 4 phương diện:**
- **Xây dựng năng lực:** Cải thiện năng lực tự quản của cộng đồng trong tiếp cận và quản lý rừng và tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu và thích ứng với Biến đổi khí hậu
- **Phát triển các mô hình thí điểm:**
 - Trao quyền cho cộng đồng để thực hiện các giải pháp và sáng kiến nhằm quản lý rừng và tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu hiệu quả, bền vững bằng nguồn ngân sách dự án, sau đó thí điểm bằng nguồn ngân sách Nhà nước;
 - Thu thập, tổng hợp, tài liệu hoá các mô hình điển hình để củng cố và nhân rộng ra các địa bàn khác.
- **Liên kết mạng lưới:** Phát triển một liên minh bao gồm cộng đồng, chính quyền, doanh nghiệp, chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ để rà soát, đánh giá mô hình và vận động chính sách tới cấp huyện, tỉnh và Quốc gia để lồng ghép mô hình vào các chương trình mục tiêu Quốc gia.
- **Tham vấn, phát triển các văn bản, chính sách liên quan:**
 - Nghiên cứu, rà soát các chính sách hiện tại;
 - Tham vấn để phát triển các hướng dẫn về quản trị tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng sử dụng ngân sách nhà nước.
- **Nhóm tác động chính:** Cộng đồng DTTS, người nghèo, phụ nữ, người khuyết tật.
- **Người hưởng lợi chính:**
 - Trực tiếp: 20,000 người
 - Gián tiếp: 20,000 người.

7.3 Lĩnh vực 3: Thúc đẩy cộng đồng DTTS để tham gia thực hiện các hoạt động giáo dục và truyền thông cộng đồng. Cụ thể, chiến lược sẽ thúc đẩy cộng đồng DTTS để:

- Thúc đẩy và bảo tồn văn hoá truyền thống của người DTTS;
- Phát triển văn hoá tự quản cộng đồng;
- Giáo dục và truyền thông về phòng chống bạo lực và lạm dụng trong gia đình và nhà trường;
- Định hướng, cung cấp đào tạo nghề, tạo việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho thanh niên và hộ gia đình.

– **Chiến lược can thiệp trên 3 phương diện:**

- **Xây dựng năng lực:** Cải thiện năng lực tự quản của cộng đồng trong đề xuất, thực hiện và quản lý, giám sát các hoạt động giáo dục và truyền thông.

- **Phát triển các mô hình thí điểm:**

- Tạo điều kiện thuận lợi và trao quyền cho cộng đồng DTTS để trực tiếp tham gia thực hiện các sáng kiến/giải pháp truyền thông để duy trì, phát triển văn hoá truyền thống, phòng chống bạo lực và lạm dụng tại gia đình và trường học, hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho thanh niên;
- Thu thập, tổng hợp, tài liệu hoá các mô hình điển hình để củng cố và nhân rộng ra các địa bàn khác.

- **Liên kết mạng lưới:** Phát triển một liên minh bao gồm cộng đồng, chính quyền, doanh nghiệp, chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ để rà soát, đánh giá mô hình và vận động chính sách tới cấp huyện, tỉnh và Quốc gia để lồng ghép mô hình vào các chương trình mục tiêu Quốc gia.

– **Nhóm tác động chính:** Cộng đồng DTTS, người nghèo, phụ nữ.

– **Người hưởng lợi chính:**

- Trực tiếp: 5,000;
- Gián tiếp: 10,000.

7.4 Lĩnh vực 4: Thúc đẩy nghiên cứu – truyền thông – vận động chính sách để củng cố và nhân rộng các mô hình điển hình (Vận động chính sách – Partnership)

Cụ thể, chiến lược sẽ tập trung vào:

- Nghiên cứu, rà soát và đánh giá các mô hình đang thực hiện và các chương trình/chính sách liên quan;
- Truyền thông, quảng bá các mô hình đang thực hiện tới các vùng rộng lớn hơn, đặc biệt là các hoạt động truyền thông xã hội dựa vào cộng đồng;
- Tham gia đối thoại và đánh giá chính sách dựa vào bằng chứng;
- Tham vấn, cung cấp các khuyến nghị chính sách để lồng ghép mô hình vào các chương trình nhà nước.

– **Chiến lược can thiệp trên 3 phương diện:**

- **Xây dựng năng lực:** Cải thiện năng lực của cán bộ RIC và đối tác trong nghiên cứu – truyền thông – vận động chính sách.

- **Liên kết partnership cho nghiên cứu – truyền thông – vận động chính sách.**

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức nhà nước ở cấp Trung ương;

- Thúc đẩy hợp tác giữa cộng đồng, chính quyền, doanh nghiệp, chuyên gia và tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ để thực hiện các chiến lược truyền thông hợp tác;
 - Thu thập, tổng hợp, tài liệu hoá các mô hình điển hình để củng cố và nhân rộng ra các địa bàn khác;
 - Tăng cường truyền thông xã hội dựa vào cộng đồng.
- **Nhóm tác động chính:** Cộng đồng DTTS, người nghèo, phụ nữ.
 - **Người hưởng lợi chính:**
 - Trực tiếp: 5,000
 - Gián tiếp: 10,000

8. Khung kết quả

	Nội dung	Chỉ số	Nguồn kiểm chứng	Rủi ro
Mục tiêu tổng thể	Thúc đẩy và phát triển hệ sinh thái cộng đồng tự quản, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân			
Mục tiêu 1	Nâng cao năng lực phát triển hệ sinh thái cộng đồng tự quản cho cộng đồng, chính quyền địa phương và các bên liên quan			
Kết quả 1.1	Hệ thống tri thức và mạng lưới chuyên gia về hệ sinh thái cộng đồng tự quản được xây dựng và vận hành hiệu quả.	<ul style="list-style-type: none"> Số tài liệu, ấn phẩm? Số chuyên gia? Số cán bộ địa phương? 	Báo cáo, tài liệu, ấn phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi vị trí công tác của các thúc đẩy viên, cán bộ địa phương.
Kết quả 1.2	Cộng đồng, chính quyền địa phương và các bên liên quan (NGOs, doanh nghiệp, các tổ chức đào tạo/nghiên cứu...) hiểu và có khả năng triển khai mô hình cộng đồng tự quản trong 5 lĩnh vực.	<ul style="list-style-type: none"> Số người (thành viên cộng đồng, chính quyền địa phương, các bên liên quan) được nâng cao năng lực về các nội dung CĐTQ (nội dung....)? Số kế hoạch/đề xuất/sáng kiến về CĐTQ tại địa phương được chia sẻ? 	Báo cáo giám sát, báo cáo cuối kỳ, hồ sơ theo dõi thúc đẩy viên.	<ul style="list-style-type: none"> Những người nòng cốt không tham gia đầy đủ ở các nội dung nâng cao năng lực. Thay đổi vị trí công tác của các cán bộ địa phương và các đối tác.

Mục tiêu 2	Phát triển quan hệ đối tác triển khai mô hình cộng đồng tự quản cho các cộng đồng dễ bị tổn thương tại Việt Nam, đặc biệt là cộng đồng dân tộc thiểu số theo chương trình mục tiêu quốc gia và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)			
Kết quả 2.1	Các mạng lưới đối tác (chính quyền địa phương, NGOs, doanh nghiệp, cộng đồng, v.v.) cấp địa phương triển khai hệ sinh thái cộng đồng tự quản trên 5 lĩnh vực được thiết lập.	<ul style="list-style-type: none"> • Số mạng lưới được thành lập và có kế hoạch phát triển cộng đồng tự quản? • Số nguồn lực đóng góp của các tổ chức tham gia thực hiện? • Mức độ tham gia phối hợp của các bên? 	Báo cáo định kỳ hoạt động của mạng lưới, kế hoạch hoạt động, thống kê nguồn lực đóng góp.	<ul style="list-style-type: none"> • Các đối tác không đóng góp đầy đủ các nguồn lực như cam kết.

<p>Kết quả 2.2</p>	<p>Các mô hình cộng đồng tự quản trên 5 lĩnh vực được triển khai hiệu quả dưới sự hỗ trợ của các mạng lưới.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Số người dân được cải thiện điều kiện sống từ các mô hình (giới tính/ dân tộc/ độ tuổi/ hoàn cảnh kinh tế)? • Số lượng các mô hình áp dụng tự quản; và số lượng các mô hình tự quản theo từng lĩnh vực? • Số lượng các cộng đồng xây dựng và ứng dụng mô hình hệ sinh thái? • Các mô hình được cộng đồng duy trì việc vận hành sau dự án. 	<p>Báo cáo giám sát, đánh giá.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Không huy động đủ nguồn lực thực hiện đầy đủ các mô hình.
<p>Kết quả 2.3</p>	<p>Các mô hình cộng đồng tự quản trên 5 lĩnh vực được nhân rộng tại các địa phương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Số mô hình được nhân rộng ở các cấp độ khác nhau (thôn/ xã/ huyện/ tỉnh/ quốc gia)? • Số lượng mô hình được nhân rộng bởi các đối tác? (lĩnh vực, nguồn lực, quy mô, cải tiến, v.v)? 	<p>Báo cáo giám sát, đánh giá.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ trương và cơ chế ra quyết định của từng địa phương.

Mục tiêu 3	Truyền thông và vận động chính sách tạo hệ sinh thái cho sự phát triển của cộng đồng tự quản tại Việt Nam			
Kết quả 3.1	Các mô hình, bài học và các chính sách liên quan đến cộng đồng tự quản được nghiên cứu, tập hợp làm bằng chứng cho việc vận động chính sách.	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng các công trình nghiên cứu về chính sách (lĩnh vực, đối tượng, cấp độ)? 	Các báo cáo nghiên cứu.	<ul style="list-style-type: none"> Việc vận động chính sách liên quan đến cộng đồng tự quản có thể bị cản trở bởi sự thay đổi chính sách của Nhà nước. Có nguy cơ thiếu ngân sách thực hiện.
Kết quả 3.2	Hệ sinh thái cho sự phát triển cộng đồng tự quản tại Việt Nam được truyền thông rộng rãi và ghi nhận bởi các bên liên quan.	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng các phát hiện và khuyến nghị về chính sách? 	Các văn bản khuyến nghị.	
		<ul style="list-style-type: none"> Số hoạt động truyền thông theo các kênh khác nhau (sự kiện, chiến dịch)? 	Các tài liệu, ấn phẩm (Tờ rơi, sách, sổ tay...).	
Kết quả 3.2	Hệ sinh thái cho sự phát triển cộng đồng tự quản tại Việt Nam được truyền thông rộng rãi và ghi nhận bởi các bên liên quan.		<ul style="list-style-type: none"> Số hoạt động truyền thông theo các kênh khác nhau (sự kiện, chiến dịch)? 	Các báo cáo chương trình.

		<ul style="list-style-type: none"> Số bài báo, phóng sự? Số đơn vị truyền thông quan tâm? 	Các bài báo, phóng sự đã được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và tạp chí, báo, Báo cáo chương trình, bài báo, phóng sự đã được các đơn vị truyền thông đăng tải.	<p>quan truyền thông tham gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngân sách có thể bị thiếu hụt. Cán bộ chuyên trách chưa có nhiều kinh nghiệm truyền thông vận động chính sách.
		<ul style="list-style-type: none"> Số người tham gia? 	Các báo cáo chương trình.	
		<ul style="list-style-type: none"> Số người tương tác/ tiếp cận trực tuyến? 	Website, fanpage, youtube, online newspapers.	
		<ul style="list-style-type: none"> Mức độ hài lòng/ phản hồi của các đối tượng đích. 		
Kết quả 3.3	Các chính sách liên quan được cải thiện tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển cộng đồng tự quản tại Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> Số chính sách tổ chức tham gia/ được mời tham gia ở các lĩnh vực/ cấp độ khác nhau. 		

		<ul style="list-style-type: none"> Số khuyến nghị chính sách được đệ trình tới các bên liên quan ở các cấp độ khác nhau và phản hồi. 		
		<ul style="list-style-type: none"> Số chính sách có sự thay đổi (tạo mới, bổ sung/điều chỉnh, thực thi)? 	Thông tin chính phủ	

9. Địa bàn hoạt động

- Hà Nội;
- Hòa Bình;
- Hà Giang;
- Tuyên Quang;
- Yên Bái;
- Thái Nguyên;
- Quảng Trị;
- Huế;
- Trà Vinh.

10. Các nguồn lực có thể huy động

- Các nhà tài trợ Quốc tế và trong nước;
- Các doanh nghiệp, nhà hảo tâm;
- Các cá nhân;
- Cộng đồng địa phương.

11. Giám sát và đánh giá của chiến lược

- Thu thập và tổng hợp thông tin, dữ liệu và các chỉ số hàng tháng để đối chiếu với các chỉ số trong kế hoạch chiến lược;
- Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện của kế hoạch năm dựa trên các chỉ số mục tiêu;
- Thảo luận giải pháp cho các vấn đề tồn tại và lập kế hoạch cho năm tiếp theo;
- Đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ của chiến lược.